KT3-00132BTP8/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/03/2018
Page 01/01

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **SP DINH DƯỠNG ÍT BÉO, BỔ SUNG CANXI – NHÃN HIỆU VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)**
LOW-FAT MILK POWDER WITH CALCIUM SUPPLEMENT - VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)
2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 08/01/2018
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 09/01/2018 – 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM**
10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Enterobacteriaceae, CFU/g	ISO 21528-2 : 2004	Nhỏ hơn 10(*) /*Less than*
7.2. Staphylococci coagulase dương tính (Staphylococcus aureus và các loài khác), CFU/g	ISO 6888-1:1999, Amd 1 - 2003	Nhỏ hơn 10(*) /*Less than*
7.3. *Listeria monocytogenes*, CFU/g	ISO 11290 – 2: 2017	Nhỏ hơn 10(*) /*Less than*
7.4. *Salmonella* spp/ 25 g	ISO 6579 -1:2017	Âm tính/ *Negative*
7.5. Staphylococcal enterotoxin/25g	ISO 19020 : 2017	Âm tính/ *Negative*

Ghi chú/ *Notes*:
(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*
PHÓ GIÁM ĐỐC / *VICE DIRECTOR*

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG * TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-00132BTP8/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/03/2018
Page 01/01

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **SP DINH DƯỠNG ÍT BÉO, BỔ SUNG CANXI – NHÃN HIỆU VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)**
LOW-FAT MILK POWDER WITH CALCIUM SUPPLEMENT - VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)
2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 08/01/2018
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 09/01/2018 – 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM**
10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng cadimi, *Cadmium content*	mg/kg	QTTN/KT3 083 : 2012	0,03	Không phát hiện *Not detected*
7.2. Hàm lượng chì, *Lead content*	mg/kg	AOAC 2016 (999.11)	0,006	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng asen tổng số, *Total arsenic content*	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Hàm lượng thiếc, *Tin content*	mg/kg	QTTN/KT3 162 : 2017	2,0	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Hàm lượng thủy ngân, *Mercury content*	mg/kg	QTTN/KT3 064 : 2016	0,015	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng antimon, *Antimony content*	mg/kg	QTTN/KT3 180 : 2017	0,01	Không phát hiện *Not detected*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*
PHÓ GIÁM ĐỐC / *VICE DIRECTOR*

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-00132BTP8/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/03/2018
Page 01/01

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **SP DINH DƯỠNG ÍT BÉO, BỔ SUNG CANXI – NHÃN HIỆU VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)**
LOW-FAT MILK POWDER WITH CALCIUM SUPPLEMENT - VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)
2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 08/01/2018
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 09/01/2018 – 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM**
10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng melamin, mg/kg *Melamine content*	(A)	0,05	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Notes*:
(A): Thường qui kỹ thuật Bộ Y tế/ *Technical regulation*
(Quyết định số 4143/QĐ-BYT, 22/10/2008, LC-MS/MS)

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*
PHÓ GIÁM ĐỐC / *VICE DIRECTOR*

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.
N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN18010547 MM18011859	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 07/03/2018

PHIẾU KẾT QUẢ NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ SỐ MM18011859 RA NGÀY 22/02/2018

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**

Địa chỉ/ *Address* : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SP DINH DƯỠNG ÍT BÉO, BỔ SUNG CANXI - NHÃN HIỆU VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dạng bột

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 09/01/2018

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 17/01/2018

STT/ *No*	**Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters***	**Đơn vị tính/ *Unit***	**Kết quả/ *Result***	**Phương pháp/ *Test method***
1	Aflatoxin M_1	µg/kg	Không phát hiện MDL= 0,01	CASE.SK.0033 (HPLC_Ref. AOAC 986.16)(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accreditated by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Chu Vân Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918 216 - 217 - 218
(84.292) 3918 219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 3811 808
(84.258) 3811 809
vanphongmientrung@case.vn

www.case.vn

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN18030118 MM18030335	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 10/03/2018

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**

Địa chỉ/ *Address* : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SẢM PHẨM DINH DƯỠNG ÍT BÉO BỔ SUNG CANXI - VINAMILK CANXI PRO (V-SB-6)**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dạng bột, đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 02/03/2018

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 09/03/2018

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	Albendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
2	Alpha - cypermethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
3	Amoxicilline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76)
4	Benzyl penicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written opproval of Director of CASE.
3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
5	Ceftiofur	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
6	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS)
7	Clenbuterol	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	CASE.SK.0078-LC/MS/MS
8	Colistin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0065/1 (LCMS/MS)
9	Cyfluthrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
10	Cyhalothrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
11	Cypermethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
12	Deltamethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
13	Dexamethasone	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,3	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
14	Diminazene	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
15	Doramectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
16	Eprinomectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing results only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
17	Febantel	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
18	Fenbendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
19	Imidocarb	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76; Journal of Chromatography B, 857 (2007) 142-148.
20	Isometamidium	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
21	Ivermectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
22	Lincomycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (LCMS/MS)
23	Monensin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 2	CASE.SK.0034 (LCMS/MS)
24	Oxfendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0123 (LCMS/MS)
25	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS)
26	Pirlimycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
27	Procaine benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76)
28	Spiramycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (LCMS/MS)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
29	Sulfadimidine	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0006 (LC/MS/MS)
30	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS)
31	Thiabendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
32	Trichlorfon (Metrifonat)/ Dipterex	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
33	Tylosine	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (LCMS/MS)
34	Dihydrostreptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 25	Ref (CASE.NC.0032)
35	Gentamycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 40	CASE.NC.0056
36	Neomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 30	ELISA
37	Spectinomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 30	ELISA
38	Streptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 25	CASE.NC.0032 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accreditated by VILAS*
(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*
MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Đoàn Thị Bội Hanh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Chu Vân Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written opproval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN18010547 MM18011859	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 07/03/2018

PHIẾU KẾT QUẢ NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ SỐ MM18011859 RA NGÀY 22/02/2018

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**

Địa chỉ/ *Address* : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SP DINH DƯỠNG ÍT BÉO, BỔ SUNG CANXI - NHÃN HIỆU VINAMILK CANXIPRO (D-SB-01)**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dạng bột

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 09/01/2018

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 23/01/2018

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	2,4 - D	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
2	Abamectin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
3	Acephate	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
4	Aldicarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
5	Amitraz	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
6	Bentazone	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918 216 - 217 - 218
(84.292) 3918 219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 3811 808
(84.258) 3811 809
vanphongmientrung@case.vn

www.case.vn

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
7	Bifenazate	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
8	Bifenthrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
9	Bitertanol	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
10	Carbaryl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
11	Carbendazim	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
12	Carbofuran	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
13	Carbosulfan	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
14	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,002	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
15	Chlorpropham	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,0005	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
16	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
17	Chlorpyrifos-methyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
18	Clethodim	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
19	Clofentezine	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
20	Cyhexatin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
21	Cyprodinil	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,0004	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
22	Cyromazine	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS-Ref.Analytica Acta (2005) 237-243
23	Diazinon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
24	Dichlorvos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
25	Dicofol	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
26	Difenoconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
27	Diflubenzuron	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
28	Dimethipin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
29	Dimethoate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
30	Dimethomorph	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
31	Diphenylamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,0004	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
32	Diquat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LCMS/MS-Preparation Method for the Determination of Paraquat and Diquat in Food Commodities
33	Disulfoton	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
34	Ethephon	mg/kg	Không phát hiện MDL=0,05	TCVN 8668:2011
35	Ethoprofos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
36	Fenamiphos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
37	Fenbuconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
38	Fenbutatin oxide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
39	Fenhexamid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
40	Fenpropathrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
41	Fenpropimorph	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
42	Fenpyroximate	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
43	Fenvalerat	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
44	Fipronil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,001	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
45	Fludioxonil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
46	Flumethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
47	Flusilazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.8) 3829 6113 - 3829 1744
(84.8) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 -F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.710) 3918216 - 217 - 218
(84.710) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.58) 3811 808
(84.58) 3811 809
kinhdoanh1@case.vn

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
48	Flutolanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
49	Heptachlor	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,006	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
50	Imidacloprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
51	Indoxacarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
52	Kresoxim-methyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
53	Lindane	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
54	Methamidophos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
55	Methidathion	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
56	Methomyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
57	Methoprene	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
58	Methoxyfenozide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
59	Myclobutanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
60	Novaluron	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
61	Oxamyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
62	Paraquat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LCMS/MS-Preparation Method for the Determination of Paraquat and Diquat in Food Commodities
63	Penconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
64	Permethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
65	Phorate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
66	Piperonyl butoxide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
67	Pirimicarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
68	Pirimiphos - methyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
69	Prochloraz	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
70	Profenofos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
71	Propamocarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
72	Propargite	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
73	Propiconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
74	Pyraclostrobin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written opproval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
75	Pyrimethanil	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
76	Quinoxyfen	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
77	Spinosad	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
78	Tebuconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
79	Tebufenozide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
80	Terbufos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
81	Thiacloprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
82	Triadimefon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
83	Triadimenol	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
84	Trifloxystrobin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
85	Vinclozolin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
86	Aminopyralid	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	NMKL Method No, 195,2013 (**)
87	Chlormequat	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	Anal Bional Chem.404 (2012)2465-2474(**)
88	Dimethenamid-p	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	BS EN 15662 : 2008(**)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
89	Dithiocarbamate	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0.01	GC/MS
90	Gluphosinate- ammonium	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	J. AOAC Int. 100 (2017) 631 - 639(**)
91	Oxydemeton-methyl	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	BS EN 15662 : 2008(**)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accreditated by VILAS*
(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*
MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Chu Vân Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN18030118 MM18030335	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 10/03/2018

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**

Địa chỉ/ *Address* : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SẢM PHẨM DINH DƯỠNG ÍT BÉO BỔ SUNG CANXI - VINAMILK CANXI PRO (V-SB-6)**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dạng bột, đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 02/03/2018

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 09/03/2018

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	2,6-Dichlorobenzonitrile (Dichlobenil)	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
2	Acetamiprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
3	Aldrin và Dieldrin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
4	Aminocyclopyrachlor	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
5	Azoxystrobin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918 216 - 217 - 218
(84.292) 3918 219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 3811 808
(84.258) 3811 809
vanphongmientrung@case.vn

www.case.vn

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
6	Benzoylindiflupyr	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS_AOAC 2007.01
7	Boscalid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
8	Buprofezin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
9	Chlorantraniliprole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
10	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,002	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
11	Chlormequat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	LCMS/MS-Determination of Paraquat and Other Quaternary Ammonium Compounds
12	Chlorothalonil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
13	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
14	Clothianidin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
15	Cyantraniliprole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
16	Cycloxydim	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above results shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
17	Cyflumetofen	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
18	Cyproconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
19	DDT	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
20	Dicamba	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0122 (LC/MS/MS)
21	Dimethoate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
22	Dinotefuran	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
23	Disulfoton	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
24	Dithianon	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS_AOAC 2007.01
25	Emamectin benzoat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,002	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
26	Endosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,004	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
27	Ethephon	mg/Kg	Không phát hiện MDL= 0,05	TCVN 8668:2011
28	Ethoprofos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.8) 3829 6113 - 3829 1744
(84.8) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 -F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.710) 3918216 - 217 - 218
(84.710) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.58) 3811 808
(84.58) 3811 809
kinhdoanh1@case.vn

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
29	Etofenprox	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
30	Etoxazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
31	Famoxadon	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
32	Fenamidone	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
33	Fenitrothion	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
34	Fipronil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,005	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
35	Flufenoxuron	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
36	Flumethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
37	Fluopicolide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)
38	Fluopyram	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
39	Fluxapyroxad	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written opproval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
40	Glyphosate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,05	GC/MS/MS_Ref. AOAC Official Method 2000.05; Journal of Chromatography A, 886 (2000) 207-216.
41	Haloxyfop	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0122 (LC/MS/MS)
42	Heptachlor-	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
43	Hexythiazox	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
44	Imazamox	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
45	Imazapic	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
46	Imazapyr	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
47	Isopyrazam	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS_AOAC 2007.01
48	Isoxaflutole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
49	MCPA	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0122 (LC/MS/MS)
50	Mesotrione	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
51	Metaflumizone	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
52	Metrafenone	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.8) 3829 6113 - 3829 1744
(84.8) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 -F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.710) 3918216 - 217 - 218
(84.710) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.58) 3811 808
(84.58) 3811 809
kinhdoanh1@case.vn

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
53	Penconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
54	Penthiopyrad	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
55	Phosmet	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
56	Prothioconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
57	Saflufenacil	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
58	Sedaxane	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
59	Spinetoram	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
60	Spirodiclofen	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,002	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
61	Spirotetramat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,002	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
62	Sulfoxaflor	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS_AOAC 2007.01
63	Thiamethoxam	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref AOAC 2007.01-LCMS/MS)
64	Triflumizole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written opproval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
65	Trinexapac-ethyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accreditated by VILAS*
(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*
MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Đoàn Thị Bội Hanh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Chu Vân Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*